

Số: 4421/TTr-UBND

Đắk Nông, ngày 02 tháng 8 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023



Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023: “c. Đối với kinh phí 69.990 triệu đồng vốn sự nghiệp chưa phân bổ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi giao vốn và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất”;

Thực hiện Thông báo số 29/TB-HĐND ngày 30/6/2023 của HĐND tỉnh kết luận phiên họp thứ 32 (Phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2023) Thường trực HĐND tỉnh khóa IV; UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023 cụ thể như sau:

### 1. Căn cứ xây dựng phương án phân bổ kinh phí:

- Quy định về cơ chế hỗ trợ tại điểm b khoản 1 mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư



công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Các mục tiêu đề ra trong Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh;

- Đề xuất của các Sở, ngành được giao phụ trách thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới và đề xuất của UBND các huyện, thành phố.

## **2. Về phương án phân bổ kinh phí:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ: *“Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia”*;

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh quy định: *“Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện, các xã để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ”*.

Do đó, để đảm bảo việc phân bổ nguồn vốn phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao; đồng thời tăng tính chủ động, linh hoạt cho địa phương trong tổ chức thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phương án phân bổ nguồn vốn như sau:

**a) Phân bổ vốn cho 15 đơn vị cấp tỉnh với số tiền 22.122 triệu đồng** (ngân sách trung ương 11.061 triệu đồng, ngân sách địa phương 11.061 triệu đồng) để thực hiện các nhiệm vụ thuộc 10/11 nội dung thành phần trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ (không phân bổ vốn để thực hiện nội dung thành phần số 04 “Giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi” vì nội dung này được thực hiện bằng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm



nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

**b) Phân bổ vốn cho UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa với số tiền 47.868 triệu đồng** (ngân sách trung ương 23.934 triệu đồng, ngân sách địa phương 23.934 triệu đồng) để thực hiện các nội dung của Chương trình: UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn tổng thể cho từng huyện, thành phố; giao UBND các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế của địa phương và các nội dung, quy định về sử dụng, quản lý nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình để phân khai chi tiết cho các đơn vị cấp huyện, xã thực hiện.

**\* Về cách xác định phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương cho UBND các huyện, thành phố:** Đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình không có quy định, hướng dẫn về cách thức, tiêu chí, hệ số phân bổ cụ thể cho các đối tượng, địa phương. Tuy nhiên, để hỗ trợ cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2023 và giai đoạn 2021-2025; đồng thời tránh trùng lặp, chòng chéo với đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh chia ra 3 nhóm huyện để tính toán, phân bổ nguồn vốn, cụ thể:

+ Ưu tiên bố trí vốn cho 3 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (huyện Cư Jút, Đắk Mil và Đắk R'lấp): Hệ số phân bổ cho mỗi huyện là 1,5.

+ Hỗ trợ một phần vốn cho 2 huyện đặc biệt khó khăn, đã được tập trung bố trí vốn từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại (huyện Tuy Đức và Đắk Glong) và thành phố Gia Nghĩa đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Hệ số phân bổ cho mỗi huyện, thành phố là 0,5.

+ Bố trí vốn cho 02 huyện còn lại (huyện Krông Nô và Đắk Song): Hệ số phân bổ cho mỗi huyện là 1,0.

Với phương án như trên thì tổng số vốn ngân sách trung ương các huyện, thành phố dự kiến được phân bổ như sau: (1) Huyện Cư Jút, Đắk Mil và Đắk R'lấp: mỗi huyện được phân bổ 4.676 triệu đồng; (2) Huyện Tuy Đức, Đắk Glong và thành phố Gia Nghĩa: mỗi huyện, thành phố được phân bổ 1.558 triệu đồng; (3) Huyện Krông Nô và Đắk Song: mỗi huyện được phân bổ 3.116 triệu đồng.

Tuy nhiên, căn cứ ý kiến của UBND huyện Đắk Mil tại cuộc họp ngày 05/01/2023 và Công văn số 05/CV-VPĐP ngày 06/01/2023 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện Đắk Mil thì huyện Đắk Mil đề xuất chỉ nhận 2.500 triệu đồng vốn ngân sách trung ương và huyện đối ứng 2.500 triệu đồng. Như vậy, số vốn còn dư là 2.176 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, UBND thành phố Gia Nghĩa và UBND huyện Krông Nô đề xuất được xem xét, tăng số vốn ngân sách trung ương cho đơn vị, địa phương để đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ năm 2023. UBND tỉnh thống nhất bố trí tăng cho Sở Văn hóa, Thể



thao và Du lịch, Sở Y tế mỗi đơn vị 500 triệu đồng, số vốn còn lại là 1.176 triệu đồng ưu tiên bố trí cho UBND thành phố Gia Nghĩa và UBND huyện Krông Nô để hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2023.

\* Như vậy, tổng số vốn ngân sách trung ương dự kiến phân bổ cho UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa như sau:

- + Huyện Krông Nô: 3.850 triệu đồng;
- + Huyện Cư Jút: 4.676 triệu đồng;
- + Huyện Đắk Mil: 2.500 triệu đồng;
- + Huyện Đắk Song: 3.116 triệu đồng;
- + Huyện Đắk R'lấp: 4.676 triệu đồng;
- + Huyện Tuy Đức: 1.558 triệu đồng;
- + Huyện Đắk Glong: 1.558 triệu đồng;
- + Thành phố Gia Nghĩa: 2.000 triệu đồng.

### **3. Về nguồn vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:**

Tại Thông báo số 29/TB-HĐND ngày 30/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh Kết luận Phiên họp thứ 32 (Phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2023) Thường trực HĐND tỉnh khóa IV có ý kiến như sau: “*Tuy nhiên, đối với tỷ lệ vốn đối ứng theo tờ trình đề xuất phân bổ ngân sách địa phương là 34.995 triệu đồng (trong đó: cấp tỉnh là 11.061 triệu đồng và cấp huyện là 23.934 triệu đồng). Điều này không phù hợp tỷ lệ đối ứng đã được HĐND tỉnh thông qua tại Mục 84 Biểu 37 Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách tỉnh năm 2023 (theo đó NSTW là 34.995 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 34.995 triệu đồng). Do đó, đề nghị UBND tỉnh rà soát, cân đối nguồn vốn đảm bảo theo đúng tỷ lệ đối ứng tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến tại Phiên họp lần sau. Trường hợp giữ nguyên như nội dung tờ trình nêu trên, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét sửa đổi Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh trước khi phân bổ*”.

Theo Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh quy định: “*Hàng năm ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:1). Giao UBND tỉnh cân đối nguồn lực, xây dựng phương án đối ứng của các cấp ngân sách trong kế hoạch 05 năm và hàng năm nhằm đảm bảo tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định*”.



Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy định kèm theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thì trách nhiệm của UBND cấp huyện: “*bố trí kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo tỷ lệ quy định để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia*”.

Năm 2022 ngân sách địa phương đã thực hiện đối ứng nguồn vốn theo nguyên tắc: ngân sách tỉnh bố trí đối ứng đối với các các nội dung, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện; ngân sách cấp huyện, thành phố bố trí vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ thuộc cấp huyện thực hiện. Để thống nhất về nguyên tắc bố trí vốn đối ứng hàng năm, đẩy mạnh phân cấp trao quyền cho địa phương trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và nâng cao trách nhiệm của UBND cấp huyện trong việc bố trí kinh phí đối ứng; hơn nữa tình hình thu ngân sách hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, dự báo không đảm bảo thu ngân sách cấp tỉnh năm 2023 theo dự toán được duyệt, do đó UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua phương án bố trí vốn đối ứng nguồn sự nghiệp của **ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện)** năm 2023 để thực hiện Chương trình là 34.995 triệu đồng (đảm bảo tỷ lệ đối ứng 1:1 với ngân sách Trung ương theo quy định); trong đó:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: bố trí vốn đối ứng là 11.061 triệu đồng; bằng tổng số vốn ngân sách trung ương dự kiến phân bổ cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (Nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022).

- Đối với ngân sách cấp huyện, xã: bố trí vốn đối ứng là 23.934 triệu đồng; bằng tổng số vốn ngân sách trung ương dự kiến phân bổ cho các huyện, thành phố (trên cơ sở tổng vốn được giao, các huyện, thành phố bố trí đối ứng tối thiểu bằng số vốn được giao).

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

Bên cạnh đó, theo quy định việc điều chỉnh kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự toán của các cơ quan, đơn vị tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh (trường hợp này tương tự các nhiệm vụ đã bố trí trong dự toán 2023 tại Nghị quyết 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, đơn cử như: *Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (thực hiện phân bổ khi cấp có thẩm quyền quyết định); Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Trung ương bổ sung có mục tiêu chờ hướng dẫn chi tiết sẽ thực hiện phân bổ cho đơn vị thực hiện); ...*).

Đối với nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh còn lại là 23.934 triệu đồng (sau khi đã đảm bảo bố trí thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh) tại Nghị quyết 58/NQ-HĐND ngày 14/12/2022, trong quá trình điều hành ngân sách, căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, các nhiệm vụ

phát sinh, UBND tỉnh sẽ trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh xử lý theo đúng quy định.

Kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Các Sở: KHĐT, TC, NNPTNT, LĐTĐBXH;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, KGVX, KT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Lê Văn Chiến*  
**Lê Văn Chiến**





**Phụ lục**

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2023**

*(Kèm theo Tờ trình số 4421/TTr-UBND ngày 02/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	69.990	34.995	11.061	23.934	
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	22.122	11.061	11.061	-	
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	1.950	900	1.050	-	
1.1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	1.000	500	500	-	
-	<i>Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.</i>	1.000	500	500	-	
1.2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	800	400	400	-	
-	<i>Thực hiện Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025" theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ</i>	800	400	400	-	
1.3	Kinh phí khen thưởng cho các Chủ thể có sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP năm 2022	150	-	150	-	Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chi kinh phí khen thưởng cho các chủ thể
<b>2</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	2.850	1.500	1.350	-	



STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
2.1	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	2.850	1.500	1.350	-	
-	<i>Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở</i>	2.850	1.500	1.350	-	
<b>3</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>1.600</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	-	
3.1	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	1.600	800	800	-	
-	<i>Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới</i>	1.600	800	800	-	
<b>4</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>600</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	-	
4.1	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	200	100	100	-	
-	<i>Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</i>	200	100	100	-	
4.2	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	400	200	200	-	
-	<i>Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ</i>	400	200	200	-	
<b>5</b>	<b>Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh</b>	<b>360</b>	<b>180</b>	<b>180</b>	-	
5.1	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	360	180	180	-	
-	<i>Triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"</i>	90	45	45	-	

STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
-	Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	270	135	135	-	
<b>6</b>	<b>Liên minh Hợp tác xã tỉnh</b>	<b>2.400</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	-	
6.1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	2.400	1.200	1.200	-	
-	Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ	1.200	600	600	-	
-	Thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ	1.200	600	600	-	
<b>7</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>2.400</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	-	
7.1	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.	2.400	1.200	1.200	-	
-	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.600	800	800	-	
-	Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ	800	400	400	-	
<b>8</b>	<b>Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh</b>	<b>400</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	-	
8.1	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	400	200	200	-	
-	Tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	400	200	200	-	
<b>9</b>	<b>Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh</b>	<b>1.500</b>	<b>750</b>	<b>750</b>	-	
9.1	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	500	250	250	-	
-	Xây dựng và phát triển các mô hình thôn, xóm sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn	500	250	250	-	



STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
9.2	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	500	250	250	-	
-	<i>Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ</i>	500	250	250	-	
9.3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	500	250	250	-	
-	<i>Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới;</i>	500	250	250	-	
<b>10</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>1.600</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	-	
10.1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.	1.600	800	800	-	
-	<i>Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao</i>	1.000	500	500	-	
-	<i>Xây dựng và nhân rộng mô hình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với phát triển du lịch trong xây dựng nông thôn mới</i>	600	300	300	-	
<b>11</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>2.800</b>	<b>1.400</b>	<b>1.400</b>	-	
11.1	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	2.800	1.400	1.400	-	
-	<i>Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.</i>	2.800	1.400	1.400	-	
<b>12</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>452</b>	<b>226</b>	<b>226</b>	-	



STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
12.1	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	452	226	226	-	
-	<i>Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.</i>	452	226	226	-	
<b>13</b>	<b>Hội Nông dân tỉnh</b>	<b>1.440</b>	<b>720</b>	<b>720</b>	-	
13.1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	1.150	575	575	-	
-	<i>Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn</i>	1.150	575	575	-	
13.2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	130	65	65	-	
-	<i>Triển khai hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025"</i>	130	65	65	-	
13.3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.	160	80	80	-	
-	<i>Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, hội viên, nông dân trong công tác tuyên truyền, vận động nông dân xây dựng nông thôn mới</i>	30	15	15	-	
-	<i>Tổ chức Hội thi nông dân tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới</i>	130	65	65	-	
<b>14</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>1.700</b>	<b>850</b>	<b>850</b>	-	



STT	Đơn vị, địa phương/Nội dung thực hiện	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ghi chú
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	
14.1	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1.700	850	850	-	
-	<i>Thực hiện Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025" theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trong hoạt động sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Đắk Nông)</i>	1.700	850	850	-	
<b>15</b>	<b>Tỉnh đoàn Đắk Nông</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>-</b>	
15.1	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	70	35	35	-	
-	<i>Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới</i>	70	35	35	-	
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>47.868</b>	<b>23.934</b>	<b>-</b>	<b>23.934</b>	Giao UBND cấp huyện phân bổ chi tiết vốn cho các phòng, ban, đơn vị; UBND cấp xã để thực hiện các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn
1	UBND huyện Krông Nô	7.700	3.850	-	3.850	
2	UBND huyện Cư Jút	9.352	4.676	-	4.676	
3	UBND huyện Đắk Mil	5.000	2.500	-	2.500	
4	UBND huyện Đắk Song	6.232	3.116	-	3.116	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	9.352	4.676	-	4.676	
6	UBND huyện Tuy Đức	3.116	1.558	-	1.558	
7	UBND huyện Đắk G'long	3.116	1.558	-	1.558	
8	UBND TP.Gia Nghĩa	4.000	2.000	-	2.000	